

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HSST

Ngày 05 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thẩm Phán: Ông Trần Minh Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt

Bà Đỗ Thị Lại

Ông Nguyễn Ngọc Cang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐ-HPT ngày 14 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Lê M, sinh năm 1982 tại Thành phố Hà Nội;

HKTT: phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Trần Minh T (đã chết); Mẹ: Lê Thị Bích N (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Trúc Ph, sinh năm 1994; có 01 người con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 21/10/2020 (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê M:* - Luật sư Nguyễn Minh Luận – Công ty Luật TNHH Sài Gòn Công Lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Luật sư Nguyễn Văn Hải – Công ty Luật TNHH MTV Song Hiếu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

* *Bị hại:* - Bà Chênh Sau Ph, sinh năm 1982, HKTT: khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1980, cư trú phường X, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng).

- Bà Lưu Kiều T, sinh năm 1971, HKTT: phường Y, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng).

* *Người làm chứng*: - Bà Trần Yến N, sinh năm 1990, HKTT: huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Phạm Quang N, sinh năm 1958, HKTT: phường Z, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng).

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972. HKTT: khu phố A, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng).

- Đại diện công ty Cổ phần Q.M.T - JP PLASTIC, địa chỉ: KCN H, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Chênh Sau Ph (sinh năm 1982, HKTT: khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương):

Khoảng thời gian tháng 10/2018, thông qua sự giới thiệu của một người bạn tại Trung Quốc (không xác định rõ nhân thân lai lịch), bà Chênh Sau Ph biết có một số Container (gọi là công hàng) nhựa phế liệu nhập khẩu hiện đang ở khu vực Cảng Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (10 Container) và Cảng Cát Lái – Thành phố Hồ Chí Minh (24 Container) chưa làm thủ tục thông quan được vì một số đơn vị có tên trên đơn hàng đã hết hạn giấy phép nhập khẩu hoặc không đến nhận hàng. Bà Ph có nhu cầu mua lại số hàng này nên cần tìm người nhận làm dịch vụ thông quan 34 công hàng nhựa phế liệu.

Trong thời gian liên hệ với Chi cục Hải quan cảng Cái Mép thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm thủ tục thông quan 10 công hàng thì bà Ph gặp Trần Lê M. Sau khi nghe bà Ph nói đang cần thông quan hàng tại Cảng, M nói với bà Ph là M quen biết với nhiều cán bộ Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Hải quan Cảng Cát Lái, Tổng cục Hải quan nên M có khả năng thực hiện các thủ tục giấy tờ để thông quan các công hàng của bà Ph với giá tiền dịch vụ từ 110.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng/công hàng (bao gồm phí thông quan, phí kiểm định hàng). Riêng tiền chi phí điều chỉnh đơn hàng (Manifest), phí kho bãi thì M yêu cầu bà Ph phải đưa tiền thêm. Để tạo lòng tin với bà Ph, M đã dẫn bà Ph đến gặp một số cán bộ Hải Quan tại Cảng Cát Lái, Cảng Cái Mép và yêu cầu bà Ph phải chuyển tiền làm dịch vụ thông quan vào tài khoản Trần Lê M tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh quận 5, thành phố Hồ Chí Minh và một số tài khoản khác do M chỉ định.

Ngoài ra, M còn nói dối với bà Ph là M có khả năng lo chạy xin giấy phép nhập khẩu hàng phế liệu nhựa cho công ty bà Ph. Bà Ph chỉ tin lời M nên đưa hồ sơ 34 công hàng cho M. M thực hiện thông quan được 01 công hàng tại Cảng Cát Lái nên bà Ph càng tin tưởng M.

Để tạo thêm lòng tin cho bà Ph, vào ngày 25/2/2019, M đến gặp nhân viên kế toán công ty TNHH Một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Nhật nói dối là M có một số hàng phế liệu nhập về Việt Nam cần điều chỉnh đơn vị nhận hàng, sau khi lấy hàng ra sẽ bán cho công ty Việt Nhật, M nhờ công ty Việt Nhật làm công văn đồng ý thay thế đơn vị nhận hàng trên các đơn hàng để M nộp hồ sơ cho Tổng cục Hải Quan đề nghị thực hiện thủ tục điều chỉnh đơn hàng. M đưa cho bà Trần Yến N (sinh năm 1990, HKTT: ấp 2, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, là nhân viên kế toán công ty Việt Nhật số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là tiền để Công ty Việt Nhật thuê dịch vụ thực hiện làm thủ tục điều chỉnh đơn hàng. Sau khi có công văn đồng ý nhận hàng từ công ty Việt Nhật thì M đưa cho bà Ph xem và nói dối là đang làm dịch vụ thông quan hàng cho bà Ph nhưng thực chất M lừa bà Ph để chiếm đoạt tiền của bà Ph.

Từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2019, Bà Ph tin tưởng M nên đã nhiều lần trực tiếp đưa tiền hoặc chuyển tiền qua tài khoản, nhờ nhân viên chuyển tiền qua các tài khoản do M yêu cầu với tổng số tiền là 8.490.906.000đ (tám tỷ bốn trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ sáu ngàn đồng). Sau khi nhận tiền của bà Ph, M sử dụng tiêu xài cá nhân, cá độ bóng đá dẫn đến không có khả năng hoàn trả lại tiền cho bà Ph rồi bỏ trốn (Bút lục số 278, 279, 260 đến 270).

Theo công văn số 19/HQBRVT-GSQL ngày 03/01/2020 của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và công văn số 279/KV1-DGSKS ngày 22/01/2020 của Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 xác định tổng 29/33 công hàng vẫn chưa được thông quan, hiện đang lưu kho để xử lý theo quy định. Riêng đối với 05 công hàng theo vận đơn số GBI-0163700 (có danh sách kèm theo) đã được Công ty Cổ phần Q.M.T – JP PLASTIC làm thủ tục thông quan tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1, việc thông qua này là thực hiện theo các quy định của Nhà nước và do nhân viên của công ty thực hiện, đơn vị này không biết và không ủy quyền cho M thực hiện. (BL số 412 – 426, 534, 535).

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Kim C (sinh năm 1980, nơi cư trú: phường X, thành phố Vũng Tàu): Từ khoảng tháng 10/2018, Trần Lê M gặp bà C tại Cảng Cái Mép. Nghe bà C nói đang cần làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu cho lô hàng tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà C bằng cách nói dối bà C là M có mối quan hệ quen biết với cán bộ cục thuế, có khả năng làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu cho bà C. M nói bà C đưa cho M bộ hồ sơ khai thuế và yêu cầu bà C đưa cho M số tiền 80.000.000đ

(tám mươi triệu đồng) để M đóng thuế, đưa tiền cho cán bộ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh lo chạy thủ tục hoàn thuế. Bà C tin tưởng vào lời hứa hẹn của M nên vào các ngày 24, 29/3/2019, bà C đã chuyển tiền vào tài khoản do M đưa với tổng số tiền là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Sau khi sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền của bà C, M tiếp tục có ý định chiếm đoạt tiền của bà C nên đã nói dối bà C là M cần vay mượn tiền để làm thủ tục thông quan hàng tại cảng. Do tin lời M nói là thật nên vào các ngày 8, 12, 13/7/2019, bà C đã chuyển khoản cho M với tổng số tiền 108.800.000đ (một trăm lẻ tám triệu tám trăm ngàn đồng). Sau khi sử dụng tiêu xài cá nhân, chơi cá độ bóng đá hết số tiền của bà C, M thay đổi số điện thoại và bỏ trốn. Quá trình điều tra, Trần Lê M thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt của bà C tổng số tiền 188.800.000 đồng. (BL số 282–321).

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lưu Kiều T (sinh năm 1971, HKTT: phường Y, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh):

Khoảng đầu tháng 02/2020, qua sự giới thiệu của ông Phạm Quang N (sinh năm 1958, HKTT: phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh), bà T gặp Trần Lê M. Do cần tiền trả nợ và chơi cá độ bóng đá nên M nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T. M nói dối với bà T là M có 02 thửa đất tại phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cần bán. M dẫn bà T đi xem đất và cho bà T xem hình chụp trên điện thoại của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Tân Phước mang tên vợ chồng bà Phạm Thị M1 (sinh năm 1972, HKTT: khu phố Ông Trịnh, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Nhìn thấy M không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T hỏi M về nguồn gốc chủ sở hữu đất, M nói dối với bà T là 02 thửa đất thuộc sở hữu của M, vợ chồng bà M1 là bà con nên M nhờ đứng tên giùm. M nói bà T đặt cọc cho M, trong vòng một tuần kể từ khi đặt cọc thì M sẽ dẫn vợ chồng bà M1 đến làm thủ tục công chứng sang tên hai thửa đất cho bà T. Do tin tưởng vào lời nói của M nên vào ngày 29/2/2020, bà T đã đặt cọc cho M số tiền là 590.000.000đ (năm trăm chín mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền từ bà T thì M đã dùng tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, chơi cá độ bóng đá. Sau đó, M thay đổi số điện thoại, bỏ trốn (BL 330-335, 339-342).

4. Về hành vi làm giấy chứng minh nhân dân giả, giấy căn cước công dân giả mang tên Trần Lê M để sử dụng vào mục đích trái pháp luật: Quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Lê M, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của M 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 012010478 và 01 (một) Căn cước công dân số 0010820102644 đều mang tên Trần Lê M. M khai nhận hai giấy này là giấy tờ giả do M đặt mua của một người quen biết qua mạng xã hội (M không rõ nhân thân lai lịch) và sử dụng làm giấy tờ tùy thân, đăng ký lưu trú trong quá trình bỏ trốn.

Ngày 29/12/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Kết luận giám định số 07/KLGD-PC09-TL, kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 012010478 là giấy chứng minh nhân dân giả, Căn cước công dân số 0010820102644 là căn cước công dân giả.

Quá trình điều tra, bị can Trần Lê M thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Ph, bà C, bà T và hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả như trên. (BL 84-109).

*Về vật chứng vụ án:

- 01 sim Mobifone số seri 8401160412564703; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974791907; 01 sim Viettel số seri 8984048000027352752; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124842947; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124325919; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010678956749; 01 sim Metfone số seri 8985508200062050888; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959277; 01 sim Viettel số seri 8984048000004428577; 01 sim ITelecom số seri 89840810008713091615; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010993939271; 01 sim Vinaphone số seri 89840200021809910273; 01 sim Vinaphone số seri 0200011124842103; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124844497; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010945192763; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010771756129; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010966583130; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010874572209; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792251; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792210; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010924753247; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010920866555; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174422; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959228; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604616; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604335; 01 sim Telecom số seri 89840810008702112893; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174407; 01 sim Mobifone số seri 8401190850899631; 01 sim Metfone số seri 8985508200085655303; 03 sim Metfone màu xanh không có số seri; 01 sim Metfone màu trắng không có số seri; 01 sim Viettel số seri 8984048000012636247.

- 03 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển – nạp tiền ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại siêu thị Viettel store (Đường 3/2, phường 12, quận 10, TPHCM).

- 01 (một) điện thoại Iphone 6s plus 64GB màu vàng Gold, IMEI: 353302070762532;

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 promax 256GB màu xám đen; IMEI: 353917106671793;

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy S20+ màu đen, IMEI: 355362111626060;

- 01 điện thoại Samsung Galaxy S8+ màu xanh, IMEI: 355238083213238.

Tất cả các vật chứng này đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để quản lý theo quy định.

- 01 (một) Căn cước công dân mang tên Trần Lê M số 001082010264, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2015 nơi cấp Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư. (căn cước công dân giả); 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê M số 012010478, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2011 nơi cấp CATP Hà Nội (giấy chứng minh nhân dân giả) được chuyển theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Chênh Sau Ph yêu cầu M trả lại số tiền: 8.490.906.000 đồng.

- Bà Lê Thị Kim C yêu cầu M trả lại số tiền: 188.800.000 đồng.

- Bà Lưu Kiều T yêu cầu M trả lại số tiền: 590.000.000 đồng.

Hiện bị can Trần Lê M chưa bồi thường gì cho 03 bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P2 ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố bị cáo Trần Lê M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa trong bản luận tội vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tuyên bố bị cáo Trần Lê M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, về hình phạt đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; c khoản 2 Điều 341; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 16 đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội danh là từ 19 đến 22 năm tù.

Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Luật sư Nguyễn Văn Hải trình bày lời bào chữa cho bị cáo như sau: Về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” luật sư nhất trí theo quan điểm truy tố của Viện

kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận. Về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” luật sư thấy là rất khiên cưỡng. Lý do quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo nhờ một đối tượng ngoài xã hội làm cùng lúc 01 CMND, 01 CCCD cầm theo trong người không nhằm mục đích bất hợp pháp, nhưng bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự luật sư nhận thấy là vô lý. Vì thế luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” luật sư thống nhất như đề nghị của Viện kiểm sát nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Minh Luận trình bày lời bào chữa cho bị cáo như sau: Luật sư tham ngay từ đầu đã tìm mọi cách nhằm giúp bị cáo khắc phục hậu quả; tuy nhiên do bị cáo gặp khó khăn về tài chính nên việc khắc phục hậu quả không thành.

Về diễn biến sự việc dẫn đến bị cáo bị quy kết hành vi lừa đảo, theo luật sư bị cáo làm nghề liên quan đến việc thông quan hàng hóa là phé liệu. Thực tế bị cáo làm được công việc trên. Tuy nhiên do trở ngại bất khả kháng là từ phía Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản chấm dứt việc nhập phé liệu dẫn đến công việc của bị cáo bị gián đoạn, không thành. Vì thế theo luật sư từ đầu bị cáo không có ý định lừa đảo, nhưng do điều kiện khách quan vì có thay đổi về chính sách nên bị cáo phạm tội.

Về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quá trình điều tra và tại phiên tòa luật sư thấy rằng ngoài 01 CMND và 01 CCCD do bị cáo nhờ người khác làm giúp thì không có tài liệu, chứng cứ gì quy kết bị cáo phạm tội trên. Vì thế luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự luật sư nhận thấy Viện kiểm sát đã đề nghị nên luật sư thống nhất và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất theo phần bào chữa của luật sư và không có ý kiến gì thêm.
Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung **sự việc** như sau:

1/ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 02 năm 2020, do cần tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, chơi cá độ bóng đá nên Trần Lê M đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

- Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019, Trần Lê M nói dối có khả năng thực hiện thủ tục thông quan hàng và làm giấy phép nhập khẩu hàng phế liệu nhựa đối với lô hàng 33 Container tại Cảng Cái Mép và Cảng Sài Gòn chiếm đoạt số tiền 8.490.906.000 đồng của bà Chènh Sau Ph;

- Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 7/2019, M nói dối có khả năng thực hiện thủ tục hoàn thuế nhập khẩu và cần mượn tiền để làm dịch vụ thông quan hàng để chiếm đoạt số tiền 188.800.000 đồng của bà Lê Thị Kim C;

- Vào tháng 02/2020, M đưa ra thông tin gian dối là chủ sở hữu 02 thửa đất tại phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ để nhận đặt cọc số tiền 590.000.000 đồng của bà Lưu Kiều T rồi chiếm đoạt.

Tổng số tiền M đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Chènh Sau Ph, bà Lê Thị Kim C và bà Lưu Kiều T là 9.269.706.000 đồng (chín tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Quá trình điều tra trước đây và tại phiên tòa hôm nay xác định: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại, không có đồng phạm giúp sức.

2/ Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Trong quá trình bỏ trốn bị cáo Trần Lê M đặt mua của một đối tượng quen biết trên mạng xã hội (chưa rõ lai lịch) 01 chứng minh nhân dân, 01 (một) căn cước công dân giả nhằm sử dụng để đăng ký lưu trú. Hội đồng xét xử qua nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng: Bị cáo M do bị mất hết giấy tờ tùy thân, chỉ còn lại CMND bản phô tô. Nhằm mục đích có giấy tờ tùy thân nên bị cáo thông qua mạng xã hội thuê 01 người không rõ lai lịch cùng lúc làm giả 01 CMND, 01 CCCD và bị cáo giữ trong người đến khi bị bắt giữ. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định rằng: Chính bị cáo là người có nhu cầu cần CMND, CCCD giả nên cung cấp thông tin cá nhân của bị cáo cho đối tượng làm giả. Chính vì thế có căn cứ xác định bị cáo 01 lần có hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; đồng thời không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị cáo đã sử dụng tài liệu giả nêu trên vào mục đích phạm tội, vì thế Hội đồng xét xử không có căn cứ kết luận bị cáo có hành vi “Sử dụng, con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” như Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát.

Kết luận của Hội đồng xét xử:

Từ nhận định trên có căn cứ để kết luận bị cáo Trần Lê M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về pháp luật và hành vi của mình nhưng vì ham muốn tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để các bị hại đưa tiền sau đó chiếm đoạt số tiền lớn. Hành vi của bị cáo thực hiện có ý thức là cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Trong quá trình bỏ trốn bị cáo M đã đặt mua trên mạng 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê M để sử dụng mục đích cá nhân. Bị cáo thuê đối tượng làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan là xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, gây khó khăn trong việc thực hiện quản lý hành chính của nhà nước. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- 01 sim Mobifone số seri 8401160412564703; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974791907; 01 sim Viettel số seri 8984048000027352752; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124842947; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124325919; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010678956749; 01 sim Metfone số seri 8985508200062050888; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959277; 01 sim Viettel số seri 8984048000004428577; 01 sim ITelecom số seri 89840810008713091615; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010993939271; 01 sim Vinaphone số seri 89840200021809910273; 01 sim Vinaphone số seri 0200011124842103; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124844497; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010945192763; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010771756129; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010966583130; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010874572209; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792251; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792210; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010924753247; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010920866555; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174422; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959228; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604616; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604335; 01 sim Telecom số seri 89840810008702112893; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174407; 01 sim Mobifone số seri 8401190850899631; 01 sim Metfone số seri 8985508200085655303; 03 sim Metfone màu xanh không có số seri; 01 sim Metfone màu trắng không có số seri; 01 sim Viettel số seri 8984048000012636247. 03 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển – nạp tiền ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại siêu thị Viettel store (Đường 3/2, phường 12, quận 10, TP HCM) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại Iphone 6s plus 64GB màu vàng Gold, IMEI: 353302070762532; 01 (một) điện thoại Iphone 11 promax 256GB màu xám đen; IMEI: 353917106671793; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy S20+ màu đen, IMEI: 355362111626060; 01 điện thoại Samsung Galaxy S8+ màu xanh, IMEI: 355238083213238 liên quan đến tội phạm nên tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) Căn cước công dân mang tên Trần Lê M số 001082010264, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2015 nơi cấp Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư. (căn cước công dân giả); 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê M số 012010478, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2011 nơi cấp CATP Hà Nội (giấy chứng minh nhân dân giả) được chuyển theo hồ sơ vụ án nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

- Bà Chênh Sau Ph yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền: 8.490.906.000 đồng, bà Lê Thị Kim C yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền: 188.800.000 đồng, bà Lưu Kiều T yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền: 590.000.000 đồng.

Xét thấy đây là yêu cầu hợp pháp nên cần thiết buộc bị cáo Trần Lê M phải trả cho bà Chênh Sau Ph số tiền 8.490.906.000 đồng (tám tỷ bốn trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ sáu ngàn đồng), trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 188.800.000 đồng (một trăm tám mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) và trả cho bà Lưu Kiều T số tiền 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng).

[7] *Về các vấn đề khác:* Bà Lưu Kiều T cho rằng trước đây bị cáo Trần Lê M có nhận của bà số tiền 69.000.000 đồng để làm thủ tục thông quan tờ khai hải quan số 35/KNDO nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để xem xét nên giành cho bà Lưu Kiều T quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác nếu có chứng cứ chứng minh và còn giữ yêu cầu khởi kiện.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Lê M** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 341; Điều 38 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Trần Lê M 19 (mười chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **01 (một) năm tù** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội trên, **buộc Trần Lê M phải chấp hành hình phạt 20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2020.

II. Bồi thường dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc Trần Lê M chịu trách nhiệm bồi thường dân sự như sau:

1/ Bồi thường cho bà Chênh Sau Ph, sinh năm 1982. Địa chỉ: khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương số tiền 8.490.906.000 đồng (tám tỷ bốn trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ sáu ngàn đồng);

2/ Bồi thường cho bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1980. Địa chỉ: phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 188.800.000 đồng (một trăm tám mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

3/ Bồi thường cho bà Lưu Kiều T, sinh năm 1971. Địa chỉ: phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Về xử lý vật chứng: - Tịch thu tiêu hủy 01 sim Mobifone số seri 8401160412564703; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974791907; 01 sim Viettel số seri 8984048000027352752; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124842947; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124325919; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010678956749; 01 sim Metfone số seri 8985508200062050888; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959277; 01 sim Viettel số seri 8984048000004428577; 01 sim ITelecom số seri 89840810008713091615; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010993939271; 01 sim Vinaphone số seri 89840200021809910273; 01 sim Vinaphone số seri 0200011124842103; 01 sim Vinaphone số seri 89840200011124844497; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010945192763; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010771756129; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010966583130; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010874572209; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792251; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010974792210; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010924753247; 01 sim Vinaphone số seri 89840200010920866555; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174422; 01 sim ITelecom số seri 89840810008702959228; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604616; 01 sim ITelecom số seri 89840810008712604335; 01 sim Telecom số seri 89840810008702112893; 01 sim Mobifone số seri 8401180750174407; 01 sim Mobifone số seri 8401190850899631; 01 sim Metfone số seri 8985508200085655303; 03 sim Metfone màu xanh không có số seri; 01 sim

Metfone màu trắng không có số seri; 01 sim Viettel số seri 8984048000012636247. 03 phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển – nạp tiền ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại siêu thị Viettel store (Đường 3/2, phường 12, quận 10, TPHCM).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone 6s plus 64GB màu vàng Gold, IMEI: 353302070762532; 01 (một) điện thoại Iphone 11 promax 256GB màu xám đen; IMEI: 353917106671793; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy S20+ màu đen, IMEI: 355362111626060; 01 điện thoại Samsung Galaxy S8+ màu xanh, IMEI: 355238083213238.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) Căn cước công dân mang tên Trần Lê M số 001082010264, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2015 nơi cấp Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư. (căn cước công dân giả); 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê M số 012010478, cấp ngày 19 tháng 08 năm 2011 nơi cấp CATP Hà Nội (giấy chứng minh nhân dân giả).

IV. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 117.270.000 (một trăm mười bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

V. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, **bị hại** có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình** lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Thiện